

Số: /BCT-TTBVTV

Quảng Trị, ngày tháng 01 năm 2024

## BÁO CÁO

### Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 16 tháng 12 năm 2023 đến ngày 15 tháng 01 năm 2024)

## I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

### 1. Thời tiết

Thời tiết từ giữa tháng 12/2023 đến đầu tháng 01/2024 phổ biến có mưa, trời rét, có ngày rét đậm. Từ đầu tháng 01/2024 đến nay thời tiết ấm dần, ngày nắng nhẹ, một vài ngày có mưa nhỏ rải rác, nhìn chung khá thuận lợi cho công tác làm đất, gieo cấy lúa vụ Đông Xuân 2023-2024.

### 2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

#### a) Cây lúa:

Vụ	Trà	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo cấy (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
Đông Xuân 2023-2024	Sớm	3 lá	1.500	-
	Chính vụ	Gieo	13.000	-
	Muộn	Làm đất	0	-
	Tổng		14.500	-

#### b) Cây trồng khác

Nhóm/ loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
- Cây sắn	Trồng mới	>6.300
- Cây ngô	Mọc mầm - 3 lá	>750
- Cây lạc	Gieo - mọc mầm	750
- Cây công nghiệp:		
<i>Hồ tiêu</i>	Phát triển quả	2.153,6
<i>Cao su</i>	Khai thác – Rụng lá sinh lý	18.800,7
<i>Cà phê</i>	Phân hóa mầm hoa	3.942,8

### 3. Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng của thiên tai: Không

## II. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU TỪ 16/12/2023-15/01/2023

1. Trên cây lúa: Chuột, ốc brou vàng gây hại trên lúa mới gieo, trong đó: Ốc brou vàng DTN 30 ha (giảm 106 ha so với cùng kỳ năm trước), hại nặng 02 ha, mật độ

phổ biến 2-3 con/m<sup>2</sup>, nơi cao 5-10 con/m<sup>2</sup>; chuột gây hại rải rác các vùng. Ngoài ra, bệnh đạo ôn lá gây hại rải rác trên mạ (Hải Lăng).

**2. Trên cây hồ tiêu:** Riêng tuyến trùng DTN tăng so với tháng trước, các đối tượng còn lại DTN tương đương tháng trước, cụ thể: Tuyến trùng DTN 241 ha (tăng 29 ha so với tháng trước, giảm 75 ha so với cùng kỳ năm trước); Bệnh thán thư DTN 154 ha (giảm 17 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh chết nhanh DTN 22 ha (tương đương cùng kỳ năm trước); bệnh đốm lá DTN 88 ha (giảm 22 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh chết chậm DTN 144 ha (tăng 17 ha so với cùng kỳ năm trước); rệp sáp DTN 15 ha (giảm 25 ha so với cùng kỳ năm trước).

**3. Trên cây cà phê (Hướng Hóa):** Bệnh rỉ sắt DTN 705 (tăng 165 ha so với tháng trước, giảm 460 ha so với cùng kỳ năm trước); rệp DTN 50 ha (giảm 5 ha so với tháng trước, giảm 80 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh thán thư DTN 630 ha (giảm 102 ha so với tháng trước, tăng 40 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh khô cành DTN 770 ha (giảm 51 ha so với tháng trước, tăng 15 ha so với cùng kỳ năm trước).

**4. Trên cây cao su:** Bệnh xì mũ DTN 139 ha (tăng 7 ha so với tháng trước, tương đương cùng kỳ năm trước), bệnh loét sọc mặt cạo DTN 308 ha (tăng 14 ha so với tháng trước, tăng 68 ha so với cùng kỳ năm trước), bệnh khô cành, rụng lá gây hại nhiều vườn cao su ở Cam Lộ, Gio Linh, Vĩnh Linh.

### **III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ**

#### **1. Dự báo SVGH chủ yếu từ 16/01/2024-15/02/2024**

**1.1. Trên cây lúa:** Chuột, ốc brou vàng tiếp tục gây hại nhiều nơi. Các đối tượng dịch hại như bệnh đạo ôn, rầy, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh lùn sọc đen,... có thể phát sinh gây hại cây lúa giai đoạn đẻ nhánh. Đặc biệt, thời tiết ẩm, ẩm sẽ là điều kiện thuận lợi cho bệnh đạo ôn bùng phát gây hại nhiều nơi.

**1.2. Trên cây ngô:** Sâu keo mùa thu khả năng phát sinh gây hại trên ngô ngay từ giai đoạn cây con, hại nặng nếu không được phát hiện sớm và xử lý kịp thời.

**1.3. Trên cây hồ tiêu:** Bệnh chết nhanh, chết chậm, thán thư, tuyến trùng,... tiếp tục gây hại nhiều nơi, đặc biệt bệnh chết nhanh, chết chậm có thể lây lan, gây hại nặng các vườn bị bệnh, vùng ổ dịch, những vườn thoát nước kém.

**1.4. Trên cây cà phê:** Các đối tượng dịch hại như: Bệnh khô cành, thán thư, rỉ sắt, nấm hồng... tiếp tục gây hại nhiều nơi, hại nặng trên các vườn cà phê già cỗi, các vườn không chú trọng công tác phòng trừ sâu bệnh.

**1.5. Trên cây cao su:** Bệnh xì mũ, loét sọc mặt cạo, khô cành rụng lá tiếp tục gây hại và lây lan ra các vườn khác.

**1.6. Trên cây sắn:** Bệnh khảm lá virus có thể gây hại nhiều nơi trên sắn mới trồng, đặc biệt những vùng đã bị bệnh các năm trước.

#### **2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong tháng tới**

##### **2.1. Trên cây lúa**

- Tiếp tục diệt trừ chuột, ốc brou vàng bằng nhiều biện pháp để hạn chế gây hại trên lúa mới gieo (*Nghiêm cấm dùng biện pháp kích điện để diệt chuột*).

- Kịp thời phun thuốc trừ bệnh đạo ôn trên diện tích mạ nhiễm bệnh.

- Không được phun thuốc trừ cỏ khi nhiệt độ dưới 18<sup>0</sup>C, đặc biệt đối với nhóm

thuốc trừ cỏ hậu nảy mầm muộn (Quinclorac) chỉ được phun khi trời nắng ấm, cây lúa có từ 3 lá trở lên. Tiếp tục điều tra, theo dõi phát sinh của sâu, bệnh để làm cơ sở cho công tác dự tính dự báo trong đó chú ý bệnh đạo ôn lá, rầy các loại.

**2.2. Trên cây ngô:** Thực hiện các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp để phòng chống sâu keo mùa thu. Thường xuyên điều tra tình hình phát sinh gây hại của sâu để phát hiện sớm và có biện pháp xử lý triệt để.

**2.3. Trên cây hồ tiêu:** Đào rãnh thoát nước, không để vườn đọng nước. Kiểm tra, xử lý thuốc phòng trừ tuyến trùng, bệnh chết chậm, chết nhanh... Đối với bệnh chết nhanh cần thu gom tàn dư cây bị bệnh mang ra khỏi khu vực vườn và đốt tiêu hủy, xử lý đất tại các gốc tiêu bị bệnh bằng vôi bột, tăng cường sử dụng các loại chế phẩm sinh học để phòng bệnh.

**2.4. Trên cây cà phê:** Tiến hành vệ sinh vườn, chăm sóc, bón phân, xử lý thuốc phòng trừ sâu bệnh ở những vườn bị gây hại nặng.

### **2.5. Trên cây cao su**

- Đối với bệnh loét sọc mặt cạo, xì mũ: Tiến hành bôi thuốc trên mặt cạo và vết xì mũ bằng các loại thuốc đặc hiệu để tránh lây lan, chú ý bệnh trên các vườn cao su kiến thiết cơ bản.

- Đối với bệnh khô cành, rụng lá: Tăng cường kiểm tra vườn, thống kê diện tích cao su bị khô cành, rụng lá.

+ Những vườn đang bị bệnh tạm thời ngưng cạo, tiến hành vệ sinh vườn, thu gom lá, cành cây bị bệnh ra khỏi vườn và tiêu hủy.

+ Sử dụng các loại thuốc nội hấp có hoạt chất *Difenoconazole + Propiconazole, Cuprous Oxide + Dimethomorph, Hexaconazole, Chlorothalonil ...* (như: *Tilt Super 300EC, Map super 300EC, Eddy 72WP, Calox 250SC, Anvil® 5SC, Chevin 5SC, Saizole 5SC...*) để phòng trừ bệnh. Lưu ý khi phun thuốc nên sử dụng các chất bám dính và đảm bảo lượng nước để tăng hiệu quả phòng trừ; những vùng bệnh hại nặng cần phun 2-3 lần, khoảng cách giữa 2 lần phun khoảng 7-10 ngày. Sử dụng thiết bị bay không người lái (Drone) để phun với lượng nước đảm bảo phủ hết thân, cành, lá mới để hạn chế được bệnh.

**2.6. Trên cây sắn:** Tiêu diệt triệt để nguồn bệnh khảm lá sắn, không để tàn dư cây sắn bị bệnh trên các hàng rào, bờ ruộng. Chỉ sử dụng hom giống sạch bệnh để trồng trong niên vụ mới; tuyệt đối không sử dụng hom sắn ở các vùng đã bị bệnh khảm lá sắn làm giống. Thường xuyên kiểm tra và xử lý kịp thời bệnh khảm lá sắn trên những vườn trồng mới./.

#### **Nơi nhận:**

- Trung tâm BVTV vùng khu 4 (B/c);
- Sở NN & PTNT Q Trị (B/c);
- Trung tâm Khuyến nông;
- Chi cục trưởng, các PCCT;
- Phòng NN & PTNT, Kinh tế các huyện, thành phố, thị xã;
- Trạm TT&BVTV các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, P.BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

**Trần Minh Tuấn**

**TỔNG HỢP ĐIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG THÁNG**

STT	Tên SVGH	Mật độ sâu (con/m <sup>2</sup> ), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	DTN các loại dịch hại (ha)					So sánh điện tích nhiệm (+/- ha)		Diện tích phòng trừ (ha)	Phân bố
		Phổ biến	Nơi cao	Cục bộ		Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mất trắng	Kỳ trước	Cùng kỳ năm trước		
I	Cây lúa (Gieo – 3 lá)													
1	Ốc brou vàng	2-3	5-10			30			2	0	+32	-106		H. Lãng, Tr. Phong
II	Cây Hồ tiêu (PT quả)													
1	Chết chậm	3-10	15-20		1-3	144	122	22	0	0	0	+17	10	Tr. Phong, V. Linh, G.Linh, C. Lộ
2	Chết nhanh	1-3			1-3	22	20	2	0	0	+1	0	0	V.Linh, G.Linh
3	Tuyến trùng	5-10	15-20		1-3	241	207	32	2	0	+29	-75	30	Tr. Phong, C. Lộ, G. Linh, V. Linh, H. Hóa
4	Thán thư	3-5	15-20		1-3	154	134	20	0	0	-5	-17	12	Tr. Phong, V. Linh, G.Linh, C. Lộ
5	Đốm lá	5-10	15-20		1	88	73	15	0	0	0	-22	0	C. Lộ, G. Linh, H. Hóa
6	Rệp sáp	5-10	15		1-3	15	10	5	0	0	0	-25	10	Hướng Hóa
III	Cây cà phê (Phân hóa mầm hoa)													
1	Khô cành	10-15	60-70		1	770	505	190	75	0	-51	+15	0	Hướng Hóa
2	Thán thư	15-20	70		1-3	630	380	190	60	0	-102	+40	50	
3	Rệp	5-10	60		1-3	50	50	0	0	0	-5	-80	0	
4	Rỉ sắt	2-5	10		1	705	400	210	95	0	+165	-460	50	
IV	Cây cao su (Khai thác - rụng lá sinh lý)													
1	Loét sọc mặt cạo	5-10	30		1-3	308	246	49	13	0	+14	+68	20	C. Lộ, G.Linh, V. Linh
2	Xì mù	5-10	15		1-3	139	119	20	0	0	+7	+4	15	Tr. Phong, C. Lộ, G.Linh, V. Linh
3	Khô cành, rụng lá	5-10	30-40		1-3	500	300	150	50	0	+500	+500	0	C. Lộ, G. Linh, V. Linh